

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

GÓI THẦU C1-2	: Thi công phần đài móng, các bể nước ngầm, bể tự hoại đến cao trình 0.00m Block C2 (bao gồm thép chờ cột, vách thang máy).
DỰ ÁN	: Khu nhà ở xã hội Chương Dương Home
ĐỊA ĐIỂM	: Đường số 12, Phường Trường Thọ – Quận Thủ Đức - TP. HCM
CHỦ ĐẦU TƯ	: Công ty Cổ phần Chương Dương
BÊN MỜI THẦU	: Công ty Cổ phần Chương Dương

Tp. HCM, ngày ...tháng năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

GÓI THẦU C1-2 : Thi công phần đài móng, các bể nước ngầm, bể tự hoại đến cao trình 0.00m Block C2 (bao gồm thép chò cột, vách thang máy).

DỰ ÁN : Khu nhà ở xã hội Chương Dương Home

ĐỊA ĐIỂM : Đường số 12, Phường Trường Thọ – Quận Thủ Đức - TP. HCM

CHỦ ĐẦU TƯ : Công ty Cổ phần Chương Dương

BÊN MỜI THẦU : Công ty Cổ phần Chương Dương

Tp. HCM, ngày 09 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG



KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Chính

TỪ NGỮ VIỆT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu chào giá cạnh tranh
DVTX	Dịch vụ tư vấn
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá HSDT
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

Số: /CDC-QLDA

Tp. HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2019

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi : CÁC ĐƠN VI THAM GIA THI CÔNG PHẦN THÂN.

1. Công ty Cổ phần Chương Dương – Ban quản lý dự án Khu nhà ở xã hội Chương Dương Home chuẩn bị lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu số C2-2: "**Thi công phần đài móng, các bể nước ngầm, bể tự hoại đến cao trình 0.00m Block C2**", Dự án : Khu nhà ở xã hội Chương Dương Home, sử dụng nguồn vốn đầu tư doanh nghiệp.
2. Công ty Cổ phần Chương Dương – Ban quản lý dự án Khu nhà ở xã hội Chương Dương Home xin mời quý Công ty tham gia nộp Hồ sơ chào giá cạnh tranh cho gói thầu nêu trên.
3. Giá gói thầu là giá bao gồm các công việc cụ thể như sau:
 - Thi công hoàn chỉnh theo hồ sơ thiết kế (vật tư, thiết bị thi công và nhân công)
 - Trong phần đơn giá: nhà thầu làm rõ đơn giá vật tư, nhân công, ca máy)
4. Quý công ty sẽ được nhận miễn phí 01 bộ Hồ sơ yêu cầu cho gói thầu trên tại Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Chương Dương – Ban quản lý dự án nhà ở xã hội Chương Dương Home
 - Địa chỉ: đường số 12, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. HCM
5. Thời gian phát hành Hồ sơ yêu cầu : 8h 00 ngày 05 tháng 03 năm 2019 (trong giờ hành chính).
6. Hồ sơ Đề xuất phải được chuyển đến văn phòng Công ty cổ phần Chương Dương địa chỉ: 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô giang, quận 1, trước 9 giờ 00, ngày 20 tháng 03 năm 2019 .
7. Địa điểm phát hành hồ sơ chào giá: đường số 12, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. HCM.
 - Điện thoại, fax: 028-36207897
8. Hồ sơ Đề xuất của quý Công ty sẽ được xem xét theo đúng các quy định hiện hành. Nếu Hồ sơ đề xuất của quý Công ty đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, Chúng tôi sẽ

tham quan thực tế các công trình đã và đang thực hiện, xem xét chỉ định quý Công ty thực hiện gói thầu nêu trên.

Trận trọng !

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Chương I.

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung gói thầu

1. Bên mời thầu: Công ty Cổ Phần Chương Dương mời nhà thầu tham gia chào giá cạnh tranh phần nhân công như đơn mời thầu trên thuộc dự án: “Khu nhà ở xã hội Chương Dương Home”;
2. Thời gian thực hiện hợp đồng: **40 ngày (bốn mươi ngày)**
3. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp.

Mục 2. Điều kiện tham gia dự thầu của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - 1.1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;
 - 1.2. Chứng chỉ hành nghề xây dựng hạng 1 do Cục quản lý hoạt động xây dựng – Bộ xây dựng cấp (điều kiện tiên quyết để xem xét hồ sơ chào giá của nhà thầu)
 - 1.3. Hạch toán tài chính độc lập;
 - 1.4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - 1.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia dự thầu;
2. Nhà thầu chỉ được tham gia trong một HXĐX với tư cách là nhà thầu độc lập.

Mục 3. HSYC, giải thích làm rõ HSYC và sửa đổi HSYC

1. HSYC bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSYC này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSYC để chuẩn bị HSĐX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
2. HSYC được phát hành cho các nhà thầu có nhu cầu tham gia theo thời gian quy định trong thông báo chào giá cạnh tranh. Đối với nhà thầu liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu, kể cả trường hợp chưa hình thành liên danh khi mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu;

3. Trường hợp sửa đổi hồ sơ yêu cầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ yêu cầu đến các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu;
4. Trường hợp cần làm rõ hồ sơ yêu cầu thì nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:
 - Gửi văn bản làm rõ cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu;
 - Trong trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ yêu cầu mà các nhà thầu chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ yêu cầu gửi cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu;
 - Nội dung làm rõ hồ sơ yêu cầu không được trái với nội dung của hồ sơ yêu cầu đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ yêu cầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ yêu cầu thì việc sửa đổi hồ sơ yêu cầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 mục này.

5. Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ yêu cầu là một phần của hồ sơ yêu cầu.

Mục 4. Khảo sát hiện trường

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ việc lập HSĐX. Bên mời thầu tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSĐX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, lún nứt, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 5. Ngôn ngữ sử dụng

HSĐX cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt

Mục 6. Nội dung HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn đề xuất chào hàng theo quy định tại Mục 7 Chương này;
2. Giá đề xuất chào hàng và biểu giá theo quy định tại Mục 8 Chương này;

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 9 Chương này;

4. Đề xuất về mặt kỹ thuật theo quy định tại Phần thứ hai của HSYC này;

5. Các nội dung khác.

Mục 7. Đề xuất chào hàng cạnh tranh

Đơn đề xuất chào hàng do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu cần gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

Mục 8. Giá đề xuất và biểu giá

1. Giá đề xuất là giá do nhà thầu nêu trong đơn đề xuất chào hàng thuộc HSĐX sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá đề xuất của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu nêu tại Phần thứ hai của HSYC này.

2. Giá đề xuất được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

3. Nhà thầu phải ghi đơn giá và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong Bảng tiên lượng theo Mẫu số 5A, Mẫu số 5B Chương III. Đơn giá đề xuất phải bao gồm các yếu tố: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác, chi phí vận chuyển hàng hóa đơn công trình; chi phí chung, thuế;

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán giá trị phần khối lượng sai khác này vào giá đề xuất.

4. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSĐX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước hoặc tại thời điểm đóng thầu, hoặc phải có bảng kê thành phần HSĐX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các

hạng mục cụ thể nêu trong Bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tiên lượng.

Mục 9. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc có quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh;

- *Chứng chỉ hành nghề xây dựng hạng 1 do Cục quản lý hoạt động xây dựng – Bộ xây dựng cấp (điều kiện tiên quyết để xem xét hồ sơ chào giá của nhà thầu)*

- Báo cáo Tài chính trong 03 năm (2016-2018) và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

- + Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong 3 năm tài chính gần đây (2016-2018);
- + Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong 03 năm tài chính gần đây (2016-2018);
- + Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong 03 năm tài chính gần đây(2016-2018);
- + Báo cáo kiểm toán.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

- a) Khả năng huy động máy móc thiết bị thi công được liệt kê theo Mẫu số 3 Chương III;

- b) Kê khai cán bộ chủ chốt điều hành thi công tại nhà máy theo Mẫu số 4A và Mẫu số 4B Chương III;

- c) Các hợp đồng đang thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 6 Chương III;

- d) Các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 7 Chương III;

- d) Năng lực tài chính của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 8 Chương III;

Mục 10. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 40 ngày kể từ thời điểm đóng thầu (9h00 ngày 20/03/2019). HSĐX có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định tại khoản này là không hợp lệ và bị loại.

Mục 11. Quy cách của HSĐX và chữ ký trong HSĐX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và ba (3) bản chụp HSĐX, *ghi rõ "bản gốc"* và *"bản chụp"* tương ứng và một (1) USB chứa dữ liệu dự thầu.

2. HSĐX phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX, biểu giá và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xoá hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

C. CHUẨN BỊ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 12. Thời hạn nộp HSĐX

HSĐX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX: 09 giờ 00, ngày 20 tháng 03 năm 2019.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 13. Mở thầu

Bên Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong hồ sơ đề xuất của từng nhà thầu. Ngay sau thời điểm đóng thầu, vào lúc 9 giờ 30 ngày 20/03/2019, bên mời thầu tiến hành mở các hồ sơ đề xuất và lập biên bản mở thầu bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của hồ sơ sơ đề xuất; giá trị, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng và gửi văn bản này đến các nhà thầu đã nộp hồ sơ đề xuất.

Mục 14. Làm rõ HSĐX

1. Trong quá trình đánh giá HSĐX, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSĐX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường). Trường hợp HSĐX thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong HSĐX của

nhà thầu, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp, không thay đổi giá đề xuất.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện HSĐX thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSĐX.
3. Việc làm rõ HSĐX chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSĐX cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSĐX phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ đề xuất.

Mục 15. Đánh giá HSĐX

1. Sau khi nhận được HSĐX của nhà thầu, bên mời thầu sẽ tiến hành đánh giá HSĐX theo các bước sau:
 - 1.1. Kiểm tra tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSĐX, bao gồm:
 - a. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 mục 2 chương I
 - b. Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu ; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật; giá đề xuất ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá đề xuất ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
 - c. Hiệu lực của hồ sơ đề xuất đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ yêu cầu;
 - d. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
 - e. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có);

f. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

1.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại mục 1 chương II: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm nhà thầu trong hồ sơ yêu cầu;

b. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

1.3. Đánh giá về kỹ thuật và giá:

a. Đánh giá về kỹ thuật: theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại mục 2 chương II: Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật trong hồ sơ yêu cầu đối với các HSĐX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ, và đạt yêu cầu về năng lực kinh nghiệm. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSĐX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”

b. So sánh giá chào:

- Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Điều 17 Nghị định 63/CP.

- Bên mời thầu so sánh giá chào của các HSĐX đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSĐX có giá chào thấp nhất. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và không vượt giá gói thầu sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng phải theo trình tự sau đây:

2.1. Cơ sở thương thảo:

c. Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất;

d. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất (nếu có) của nhà thầu;

e. Hồ sơ yêu cầu.

2.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a. Không thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu;

b. Việc thương thảo hợp đồng không làm thay đổi đơn giá đề xuất của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

- 2.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:
- Thương thảo những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ đề xuất có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
 - Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ đề xuất (nếu có);
 - Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.
- 2.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).
- 2.5. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu.

E. TRÚNG THẦU

Mục 16. Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Có HSĐX hợp lệ;
- Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu;
- Có đề xuất xuất về mặt kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
- Có giá đề xuất (sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch), trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất;
- Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 17. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, email.

Mục 18. Hoàn thiện ký kết hợp đồng:

1. Điều kiện ký kết hợp đồng:

- 1.1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;
- 1.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;
- 1.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

2. Ký kết hợp đồng:

- 2.1. Sau khi lựa chọn được nhà thầu, chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn phải tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải tuân thủ quy định của Luật Đầu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 2.2. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- 2.3. Giá hợp đồng không được vượt giá trúng thầu. Trường hợp bổ sung khối lượng công việc ngoài hồ sơ yêu cầu dẫn đến giá hợp đồng vượt giá trúng thầu thì phải bảo đảm giá hợp đồng không được vượt giá gói thầu hoặc dự toán được phê duyệt.

CHƯƠNG II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

I. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

Các TCDG về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” cả 3 nội dung nêu tại các điểm 1,2 và 3 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực.

Tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau

Số thứ tự	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm	
	1.1. Kinh nghiệm thi công:	Nhà thầu đã có thời gian hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp tối thiểu 3 năm (tính đủ 36 tháng), được tính từ ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp (nếu đơn vị chuyển đổi tên doanh nghiệp thì phải có văn bản chứng minh quá trình lịch sử phát triển của doanh nghiệp);
	1.2. Kinh nghiệm thực hiện gói thầu tương tự:	Trong thời gian 3 năm gần đây đã thực hiện tối thiểu 02 gói thầu tương tự có giá trị ≥ 20 tỷ (kèm theo hợp đồng có công chứng);
2	Năng lực kỹ thuật	
	2.1. Năng lực hành nghề	Đáp ứng các điều kiện về năng lực nhà thi công xây lắp
	2.2. Kỹ sư xây dựng	

	<p>a) Chỉ huy trưởng công trình (Kèm theo Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ, bản khai kinh nghiệm công tác, hợp đồng lao động dài hạn còn hiệu lực với nhà thầu, bảo hiểm xã hội đã nộp tại đơn vị tại thời điểm hiện tại)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng dân dụng tối thiểu 5 năm. - Có thời gian liên tục làm công tác thi công xây dựng tối thiểu 5 năm; - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công trình cấp I do cục quản lý hoạt động xây dựng cấp - Chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động.
	b) Đội ngũ cán bộ kỹ thuật:	Đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành tối thiểu là 3 người, kèm theo bảng kê chi tiết họ tên, chuyên môn, có chữ ký và đóng dấu xác nhận của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, kèm bản sao chứng chỉ đào tạo nghề được công chứng và hợp đồng lao động còn hiệu lực với nhà thầu.
	c) Đội ngũ công nhân kỹ thuật:	Đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề tối thiểu là 40 người, kèm theo bảng kê chi tiết họ tên, chuyên môn, có chữ ký và đóng dấu xác nhận của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.
	2.3. Thiết bị thi công chủ yếu	
	<ul style="list-style-type: none"> - Máy cắt sắt - Máy uốn thép - Xe đào, xe ủi, xe chở đất 	Đầy đủ thiết bị theo yêu cầu (kèm theo tài liệu chứng minh thuộc sở hữu của nhà thầu (hóa đơn mua bán có công chứng) hoặc hợp đồng thuê mướn (nếu thuê mướn thì phải có tài liệu chứng minh thuộc sở hữu của đơn vị cho thuê)
2	<p>Năng lực tài chính Yêu cầu kèm theo Bản sao báo cáo tài chính (2016-2018) đã nộp</p>	

	3.1. Doanh thu Doanh thu trung bình hàng năm trong 03 năm gần đây (2016-2018).	≥ 20 tỷ đồng
	3.2. Tình hình tài chính lành mạnh: Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh.	
	(a) Thực hiện nộp ngân sách Nhà nước đúng qui định của Pháp luật:	- Nhà thầu thực hiện nộp ngân sách nhà nước đầy đủ trong 03 năm gần đây (2016, 2017, 2018) kèm theo biên bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nộp thuế để chứng minh.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Sử dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “không đạt”.

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Tính hợp lý và khả thi của các Quy trình thi công, giải pháp kỹ thuật, biện pháp quản lý chất lượng phù hợp với đề xuất về tiến độ thực hiện		
	(a) biện pháp thi công	Có quy trình khả thi Không có quy trình khả thi	Đạt Không đạt
	(b) Khả năng đáp ứng giàn giáo cophaa	Có biện pháp khả thi Không có biện pháp khả thi	Đạt Không đạt
	(c) Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý công trường	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt	Đạt Không đạt

2	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, bảo hành		
	(a) Giải pháp vệ sinh công trường	Có giải pháp khả thi Không có giải pháp khả thi	Đạt Không đạt
		Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng	Đạt
	(b) An toàn lao động	Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ	Không đạt
3	<i>Biện pháp bảo đảm chất lượng</i>		
	Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng, gồm những nội dung như tổ chức giám sát, công tác bảo dưỡng betong, ...		Đạt
	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên		Không đạt
4	Tiến độ thi công		
	Ngắn hơn hoặc bằng 40 ngày (trong đó Phản móng là 40 ngày)		Đạt
	Dài hơn 40 ngày		Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 được xác định là đạt Một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 được xác định là không đạt		Đạt Không đạt

Chương III
BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT

Mẫu số 1

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: [Ghi tên bên mời thầu]
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 23 Chương I trong hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu(1)

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì

phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 25 Chương I của HSYC này

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày _____ tháng _____ năm _____, tại _____

Tôi là [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho

[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án [Ghi tên dự án] do [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [Ghi tên nhà thầu]. [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày _____ đến ngày _____. Giấy ủy quyền này được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ bản, người được ủy quyền giữ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất theo quy định tại Mục 8 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia dự thầu.

Mẫu số 3

BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU⁽¹⁾

Loại máy móc, thiết bị thi	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của nhà thầu	Chất lượng sử dụng

Ghi chú :

(1) Kê khai máy móc thiết bị thi công dùng riêng cho gói thầu này.

(2) Trường hợp thuê máy móc, thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (bản cam kết hai bên,...). Trường hợp thuộc sở hữu của nhà thầu thì cần có giấy tờ chứng minh.

Mẫu số 4A

DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT

Số thứ tự	Họ tên	Chức danh ⁽⁴⁾
1		
2		
3		
...		

Ghi chú: Gửi kèm theo một bản khai tóm tắt năng lực, kinh nghiệm công tác của từng cán bộ chủ chốt theo Mẫu số 4B.

Mẫu số 4B

BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT

Chức danh⁽⁵⁾: _____

1. Họ và tên: _____

Tuổi: _____

2. Bằng cấp: _____

Trường: _____

Ngành: _____

3. Địa chỉ liên

Số điện thoại: _____

hệ: _____

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian

Từ năm	Đến năm	Công ty / Dự án tương tự	Vị trí tương tự	Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý tương ứng

Ghi chú: Gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày tháng năm _____

Người khai

[Ký tên]

^{(1), (2)}Ghi chức danh dự kiến cho gói thầu này. Ví dụ: Giám đốc điều hành

Mẫu số 5A

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ ĐÈ XUẤT

Số thứ tự	Nội dung công việc (theo khối lượng mời chào giá)	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (thể hiện rõ vật tư, nhân công và ca máy)	Thành tiền
Cộng					
Thuế [Áp dụng đối với trường hợp đơn giá trong biểu giá chi tiết là đơn giá trước thuế]					
Tổng cộng					

Tổng cộng: _____ [Ghi bằng số]

Bằng chữ: _____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Có thể lập từng biểu chi tiết cho từng hạng mục chính, ví dụ cho công tác thoát nước...

Cột (2): ghi các nội dung công việc như bảng tiên lượng yêu cầu

Cột (4): ghi đúng khối lượng được nêu trong Bảng tiên lượng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai

khác này để chủ đầu tư xem xét, không ghi chung vào biểu này và được lập theo bảng 5B.

Mẫu số 5B

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ ĐÈ XUẤT

Số thứ tự	Nội dung công việc (sai khác so với khối lượng mời chào giá)	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (thể hiện rõ vật tư, nhân công và ca máy)	Thành tiền
Cộng					
Thuế [<i>Áp dụng đối với trường hợp đơn giá trong biểu giá chi tiết là đơn giá trước thuế</i>]					
Tổng cộng					

Tổng cộng: _____ [Ghi bằng số]

Bằng chữ: _____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Số	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được)	Giá trị phần công việc chưa hoàn	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[Ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[Ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền] VND	
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[Ghi số tiền] VND
Tên dự án:	[Ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên chủ đầu tư:	[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 1 Chương II⁽²⁾		
1. Loại, cấp công trình	[Ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[Ghi số tiền] VND	
3. Về quy mô thực hiện	[Ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Về độ phức tạp và điều kiện thi công	[Mô tả về độ phức tạp của công trình]	
5. Các đặc tính khác	[Ghi các đặc tính khác theo Chương IV]	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.
- (2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Mẫu số 8

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong 3 năm tài chính gần đây (2016-2018).

Đơn vị tính: _____

Stt		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong 3 năm tài chính gần đây (2016-2018);

2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong 03 năm tài chính gần đây (2016-2018);
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong 03 năm tài chính gần đây(2016-2018);
4. Báo cáo kiểm toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

CHƯƠNG IV

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

1. Sơ lược vị trí địa lý:

- Khu quy hoạch nằm ở Đường số 12, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Phía Tây Bắc: giáp rạch thoát;
- Phía Tây Nam: giáp khu dân cư hiện hữu;
- Phía Đông Bắc: giáp đất ruộng;
- Phía Đông Nam: giáp đường dự phỏng;
- Phía Tây: giáp đường hiện hữu.
- Quy mô khu vực quy hoạch có diện tích 26.340,80m².

2. Quy mô dự án:

- Dự án Khu nhà ở xã hội Chương Dương Home gồm nhóm nhà ở chung cư, khối thương mại dịch vụ và khối trường mẫu giáo
- Nhóm chung cư (12 tầng và 1 tầng kỹ thuật) gồm 5 Block A1, A2, B, C1 và C2;

3. Quy mô gói thầu:

- Gói thầu số C2-2: “**Thi công phần đài móng, các bể nước ngầm, bể tự hoại đến cao trình 0.00m và thép chờ cột, vách thang máy Block C2**”
- Block C2 là khối nhà ở chung cư 13 tầng (gồm tầng trệt, tầng lửng, tầng 2-12 và tầng kỹ thuật), diện tích 1 sàn điển hình là 1.208 m².
- Kết cấu đài móng trên cọc Bê tông cốt thép DUL D500 (đã thi công), kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép kết hợp sàn không dầm.

4. Công việc nhà thầu thực hiện

- Cung cấp nhân lực, thiết bị thi công thực hiện phần bê tông cốt thép Block C2 (từ code -3.70m đến +0.00 m) đáp ứng TCVN, hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.
- Ghi chú: Chủ đầu tư có thể xem xét cung cấp vật tư chính: Betong và thép.

CHƯƠNG V

BẢNG TIỀN LƯỢNG

DỰ ÁN: Khu nhà ở xã hội Chương Dương Home

GÓI THẦU: C2-2

Bảng tiên lượng này chỉ có tính chất tham khảo, nhà thầu cần xem xét theo bản vẽ thiết kế thi công đính kèm và nhà thầu cần khảo sát hiện trường để đưa ra biện pháp thi công phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường.

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
	PHẦN MÓNG ĐEN CAO ĐỘ 0.00M		
1	Đào đất móng, nền nhà bằng thủ công, đất cấp II (tạm tính 10% KL đất đào móng)	m ³	244.61
2	Đào đất móng bằng máy đào <=0,8m ³ , đất cấp II (tạm tính 90% KL đất đào)	100m ³	21.45
3	Đào đất giằng móng, đà kiềng, dầm tầng 1 bằng máy đào <=0,8m ³ , đất cấp II	100m ³	1.20
4	Đắp đất nền móng công trình, đất cấp II	100m ³	11.62
5	Vận chuyển đất thừa ra khỏi công trường bằng ô tô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển <=1km	100m ³	13.48
6	Vận chuyển đất thừa ra khỏi công trường bằng ô tô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển 6km tiếp theo	100m ³	13.48
7	Bê tông lót móng, dầm móng, đà kiềng, dầm tầng 1, nền tầng 1 rộng <=2,5m, đá 1x2, M150, dày 100	m ³	94.70
8	Bê tông móng, đà kiềng, bể nước ngầm, bể tự hoại đá 1x2, M400	m ³	837.13
9	Bê tông vách hố Pit đá 1x2, M400, Trộn phụ gia chống thấm	m ³	80.85

13	Bê tông cột tiết diện >0,1mm2, đá 1x2, M400	m3	20.21
17	GCLD ván khuôn gỗ móng, đà kiềng, bê nước ngầm, bê tự hoại	100m2	12.36
18	GCLD ván khuôn vách hố Pit bằng ván ép phủ phim	100m2	0.58
20	GCLD ván khuôn cột bằng ván ép phủ phim	100m2	1.41
24	SXLD cốt thép móng, dk<=10mm	tấn	5.99
25	SXLD cốt thép móng, dk<=18mm	tấn	6.96
26	SXLD cốt thép móng, dk>18mm	tấn	36.56
30	SXLD cốt thép cột, vách, dk<=10mm	tấn	5.87
31	SXLD cốt thép cột, vách, dk<=18mm	tấn	7.36
32	SXLD cốt thép cột, vách, dk>18mm	tấn	28.15
39	SXLD cốt thép bê nước ngầm, bê tự hoại dk<=10mm	tấn	1.38
40	SXLD cốt thép bê nước ngầm, bê tự hoại dk<=18mm	tấn	11.81
43	Xây tường bê tự hoại bằng gạch thẻ 4x8x18, M75	m3	7.47
44	Trát tường thành trong bê tự hoại dày 20mm, M75	m2	220.15
45	Láng bê tự hoại dày 20mm, M75	m2	178.98
46	Quét chống thấm bê tự hoại	m2	399.13

47	Quét vữa xi măng 3 nước	m2	399.13
48	GCLD nắp thám bể bằng gang đúc sẵn và phụ kiện lắp đặt, kt 760x760mm	Cái	12.00
49	Quét chống thấm bê nước ngầm	m2	225.12
50	Láng bê nước ngầm dày 20mm, M75	m2	81.06
51	Ốp gạch ceramic 250x250, M75	m2	144.06
52	GCLD nắp thám bể bằng gang đúc sẵn và phụ kiện lắp đặt, kt 800x800mm	Cái	2.00
53	GCLD thang inox D32, dày 2,77mm	Cái	1.00
54	Thanh cản nước mạch ngừng thi công	m	78.40
TỔNG CỘNG			

Ghi chú: khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thanh toán là khối lượng được Tư vấn giám sát nghiệm thu thực tế.

CHƯƠNG VI

YÊU CẦU VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Tiến độ thực hiện: 40 ngày trong đó:

- *Tiến độ phần móng từ cao độ -3.70m đến +0.00m: 40 ngày*

CHƯƠNG VII

YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

PHẠM VI ÁP DỤNG	CẤP ĐỘ BỀN CHỊU NÉN	MÁC CHỊU NÉN	KÍCH THƯỚC CỐT LIỆU LỚN (mm)	CƯỜNG ĐỘ CHỊU NÉN TẠI 28 NGÀY (MPa)	CƯỜNG ĐỘ CHỊU NÉN TÍNH TOÁN Rb (MPa)	CƯỜNG ĐỘ CHỊU KÉO TÍNH TOÁN Rbt (MPa)
Móng	B30	M400	10 ~ 20	40	17	1.2
Cột	B30	M400	10 ~ 20	40	17	1.2
Dầm	B30	M400	10 ~ 20	40	17	1.2
Sàn	B30	M400	10 ~ 20	40	17	1.2

2.2.1 BÊ TÔNG KẾT CẤU PHỤ

PHẠM VI ÁP DỤNG	CẤP ĐỘ BỀN CHỊU NÉN	MÁC CHỊU NÉN	KÍCH THƯỚC CỐT LIỆU LỚN (mm)	CƯỜNG ĐỘ CHỊU NÉN TẠI 28 NGÀY (MPa)	CƯỜNG ĐỘ CHỊU NÉN TÍNH TOÁN Rb (MPa)	CƯỜNG ĐỘ CHỊU KÉO TÍNH TOÁN Rbt (MPa)
Bê tông lót	B7.5	M100	10 ~ 20	10	4.5	0.48
Cầu thang	B30	M400	10 ~ 20	40	17	1.2
Lanh tô	B20	M250	10 ~ 20	25	11.5	0.9
Kết cấu phụ ngoài	B20	M250	10 ~ 20	25	11.5	0.9

nhà					
-----	--	--	--	--	--

2.2.2 CỐT THÉP

PHẠM VI ÁP DỤNG	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	GIỚI HẠN CHẢY (MPa)	GIỚI HẠN BỀN (MPa)	CƯỜNG ĐỘ TÍNH TOÁN Rs (MPa)	LOẠI THÉP
Tất cả	D >= 10	390	600	365	Cán nóng
Tất cả	D < 10	235	380	225	Cán nóng

2.2.3 LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ KẾT CẤU

LOẠI KẾT CẤU	BỀ DÀY LỚP BẢO VỆ (mm)	PHẠM VI ÁP DỤNG
Cốt thép dầm	40	Tiếp xúc với đất
	35	Các trường hợp khác
Cốt thép bản sàn	30	Tiếp xúc với đất
	20	Các trường hợp khác
Cốt thép cột	40	Tất cả
Cốt thép tường	40	Tiếp xúc với đất
	25	Các trường hợp khác
Cốt thép cầu thang	25	Tất cả

Các chi tiết yêu cầu về kỹ thuật thi công chủ yếu:

- Lập Biện pháp thi công phần đào đất phù hợp với yêu cầu thực tế, với xe máy thiết bị đầy đủ đáp ứng tiến độ phần móng.
- Lập Biện pháp thi công phần bê tông cốt thép đài móng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và TCVN hiện hành, với đầy đủ thiết bị ván khuôn, thép hộp, cây chống đỡ... đáp ứng tiến độ phần móng.

Quy trình bảo dưỡng tuân thủ đúng: TCVN 9345:2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm

CHƯƠNG VIII

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được kèm theo hồ sơ yêu cầu này là một bộ phận của hồ sơ yêu cầu. Các Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu kỹ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công để chuẩn bị hồ sơ đề xuất.

Chi tiết đề nghị Nhà thầu xem trong Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo hồ sơ này và khảo sát thực tế hiện trường.